

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

V/v ly hôn giữa chị T và anh X

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Côn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn X, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-02-2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn X trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14-12-2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về lối sống, quan điểm, không chia sẻ bàn bạc nên thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Thanh Hóa ở. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh X, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên xin được giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Trung A, sinh ngày 05-3-2014, hiện đang ở với anh X. Khi ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không vay nợ của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng không có lý do nên chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị T đối với anh Trần Văn X; Giao cho anh Trần Văn X trực tiếp nuôi con là cháu Trần Trung A; chị Mai Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn X đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Trần Văn X kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14-12-2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh X đã căng thẳng kéo dài, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, các bên không còn thiết tha hòa giải đoàn tụ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh X là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Theo lời trình bày của chị Mai Thị T và căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án; chị T và anh X có 01 con chung là cháu Trần Trung A, sinh ngày 05-3-2014 hiện đang ở với anh X. Chị T có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, anh X không có ý kiến về việc nuôi con. Xét thấy tuy cháu A đang ở với anh X nhưng anh X không đưa ra chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con

của mình, không cung cấp thông tin hiện làm công việc gì, đang ở đâu; còn chị X có công việc ổn định làm nhân viên Công ty về chăm sóc sức khỏe tại thành phố Thanh Hóa, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Do đó cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, anh X phải có trách nhiệm bàn giao con cho chị T. Chị X tự nguyện không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Mai Thị T không yêu cầu giải quyết. Anh Trần Văn X vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Chị Mai Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Trần Văn X.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao cho chị Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Trung A, sinh ngày 05-3-2014 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập được (hiện cháu A đang ở với anh X).

Anh Trần Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Buộc anh Trần Văn X có nghĩa vụ giao con chung là Trần Trung A cho chị Mai Thị T.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002027 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Mai Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên